

CTCP Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)

Hưởng lợi từ nhu cầu tiêu thụ điện tăng cao

13/06/2023

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Đình Thuận
 thuannnd@kbsec.com.vn

Doanh thu và lợi nhuận sau thuế 1Q2023 tăng trưởng tích cực

Doanh thu thuần 1Q2023 của NT2 đạt 2,182 tỷ VND (+8.8% YoY) và lợi nhuận sau thuế ghi nhận 233.82 tỷ VND, tương đương 49.4% kế hoạch năm. Trong Quý 1/2023, sản lượng điện thương phẩm đạt 1074.8 triệu kWh (+8% yoy). Sản lượng Qc đạt 1039.8 triệu kWh, chiếm khoảng 97% sản lượng điện thương phẩm của NT2. Kết quả tăng trưởng tích cực nhờ nhu cầu điện cao, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh thủy điện giảm xuống.

Trong 4Q2022, NT2 bỏ trích lập dự phòng nợ xấu với EPTC khiến LNST tăng mạnh

NT2 có ghi nhận một khoản trích lập khoảng 198 tỷ VND dự phòng đối với EPTC trong nửa sau 2022. Tuy nhiên, khoản này sau đó đã được hoàn lập trong công bố về cập nhật báo cáo tài chính 4Q2022 khiến LNST 2022 của NT2 đạt 883 tỷ VND (+65% YoY), thay vì 729 tỷ (+37%) so với trước khi hoàn lập. Theo đó, dự phóng của chúng tôi cũng sẽ thay đổi vì khoản dự phòng này đã được hoàn lập vào năm 2022.

Nhu cầu phụ tải dự báo sẽ tăng, đặc biệt vào mùa nắng nóng

Theo EVN, nhu cầu điện của hệ thống điện quốc gia đã tăng lên mức kỷ lục mới vào ngày 06/05/2023, tương đương 895 triệu kWh (+12.34% YoY). Công suất tiêu thụ cực đại đạt 43,0300 MW (+9.12% YoY), cao nhất kể từ đầu năm. Nhu cầu phụ tải điện đăng có xu hướng tăng cao, đặc biệt là vào mùa nắng nóng.

Khuyến nghị **NẮM GIỮ** với giá mục tiêu 35,100 VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên định giá FCFF và EV/EBITDA, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị **NẮM GIỮ** đối với cổ phiếu NT2. Giá mục tiêu là 35,100 VNĐ/cổ phiếu, cao hơn 8.6% so với giá tại ngày 12/06/2023.

NẮM GIỮ DUY TRÌ

Giá mục tiêu	VND 35,100
Tăng/giảm (%)	8.6%
Giá hiện tại (12/06/2023)	32,400
Giá mục tiêu thị trường	32,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	9,140.1

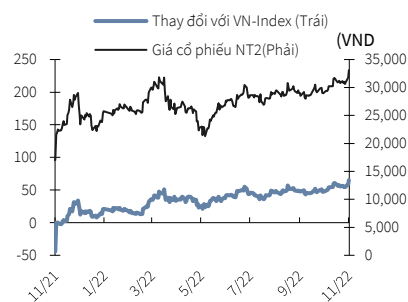
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	30%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	18.6
Sở hữu nước ngoài (%)	16.04%
Cổ đông lớn	PV Power (59.4%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	14	14	54	53
Tương đối	13	12	41	65

Dự phóng KQKD & định giá

Năm tài chính	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh thu (tỷ VND)	6,150	8,788	8,556	8,872
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	559	957	705	797
Lợi nhuận của CB công ty mẹ (tỷ VND)	534	883	720	768
EPS (VND)	1,756	2,992	3,732	3,982
Thay đổi EPS (%)	-16.2	70.4	24.7	6.7
P/E (x)	14.4	9.7	9.4	8.8
P/B (x)	1.2	1.2	1.4	1.3
ROE (%)	12.6	19.1	14.9	15.2
Tỷ suất cổ tức (%)	11.8	8.5	8.0	8.5

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KẾT QUẢ KINH DOANH 1Q2023

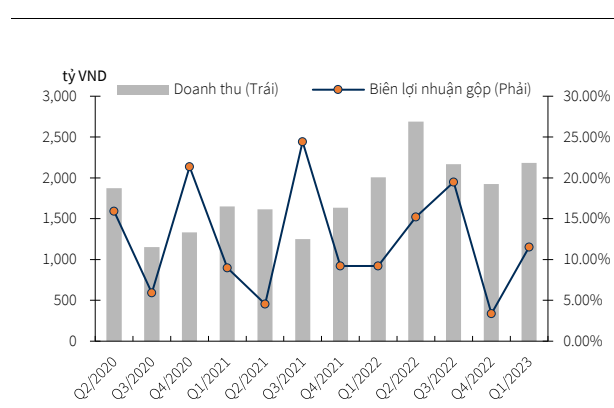
Doanh thu và lợi nhuận sau thuế 1Q2023 tăng trưởng tích cực

Doanh thu thuần 1Q2023 của NT2 đạt 2,182.88 tỷ VND (+8.8% YoY) và lợi nhuận sau thuế ghi nhận 233.82 tỷ VND, tương đương 49.4% kế hoạch năm. Trong Quý 1/2023, sản lượng điện thương phẩm đạt 1074.8 triệu kWh (+8% yoy). Sản lượng Qc đạt 1039.8 triệu kWh, chiếm khoảng 97% sản lượng điện thương phẩm của NT2. Kết quả tăng trưởng tích cực nhờ nhu cầu điện cao, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh thủy điện giảm xuống.

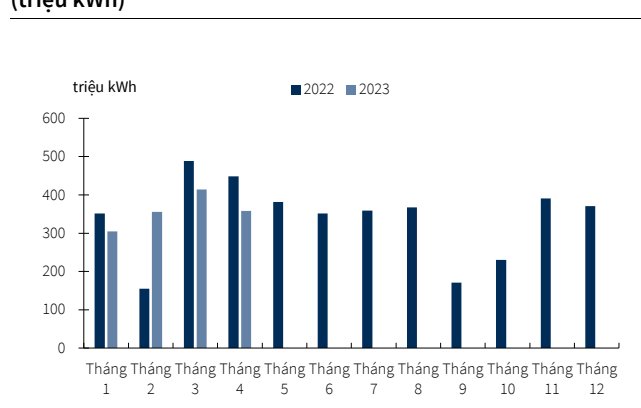
Bảng 1. Cập nhật KQKD

	1Q2022	1Q2023	+/-%YoY	Chú thích
Sản lượng (triệu kWh)				
Sản lượng điện theo hợp đồng (Qc)	994.70	1074.80	8%	Sản lượng huy động Qc tích nhờ nhu cầu tiêu thụ điện tăng cao
Sản lượng điện bán trên thị trường CGM (Qm)	253.90	35.00	-86%	Sản lượng Qm giảm do huy động Qc nhiều hơn, NT2 hoạt động bám sát sản lượng Qc
Giá khí trung bình (USD/MMBTU)	9.94	8.88	-11%	Giá khí trung bình giảm cùng chiều với giá dầu Brent
Giá bán điện trung bình (VNĐ/kWh)	2,004	2,064	3%	Giá điện trên thị trường phát điện cạnh tranh và giá khí cao giữ cho giá điện trung bình tích cực hơn so với cùng kỳ
Doanh thu	2,006.52	2,182.88	8.8%	Doanh thu tăng trưởng nhờ sản lượng tiêu thụ và giá phát điện cao
Giá vốn hàng bán	-1,821.43	-1,931.23	6%	
Lợi nhuận gộp	185.09	251.64		Lợi nhuận gộp cải thiện do doanh thu tăng mạnh hơn so với mức tăng của giá vốn
Biên lợi nhuận gộp (%)	9.2%	12%		
Chi phí SG&A	-16.68	-20.10	21%	
% SG&A/doanh thu	0.8%	0.9%	13%	
LN từ HĐKD	167.99	246.49	47%	
Thu nhập tài chính	1.70	22.06	1198%	Lãi tiền gửi ngân hàng tăng
Chi phí tài chính	-2.12	-7.11	235%	
Thu nhập khác (ròng)	0.20	-0.32	-260%	
LN trước thuế	168.19	246.17	46.4%	
Lợi nhuận sau thuế	159.58	233.82	46.5%	

Nguồn: NT2, KBSV

Biểu đồ 1. Kết quả kinh doanh của NT2, 2020-2023 (tỷ VND)

Nguồn: NT2, KBSV

Biểu đồ 2. Sản lượng điện thương phẩm của NT2, 2022-2023 (triệu kWh)

Nguồn: NT2, KBSV

Trong 4Q2022, NT2 bỏ trích lập dự phòng nợ xấu với EPTC khiến LNST tăng mạnh

Trong Quý 4/2022, NT2 có công bố đính chính báo cáo tài chính 4Q2022, điều chỉnh lợi nhuận sau thuế tăng 27 lần, từ 5.7 tỷ lên đến gần 160 tỷ VND. Nguyên nhân cho việc này đến từ việc NT2 bỏ trích lập dự phòng với một khoản phải thu khó đòi. Cụ thể, NT2 có ghi nhận một khoản trích lập khoảng 198 tỷ VND dự phòng đối với EPTC trong nửa sau 2022. Tuy nhiên, khoản này sau đó đã được hoàn lập trong công bố về cập nhật báo cáo tài chính 4Q2022 khiến LNST 2022 của NT2 đạt 883 tỷ VND (+65% YoY), thay vì 729 tỷ (+37%) so với trước khi hoàn lập. Theo đó, dự phóng của chúng tôi cũng sẽ thay đổi vì khoản dự phòng này đã được hoàn lập vào năm 2022.

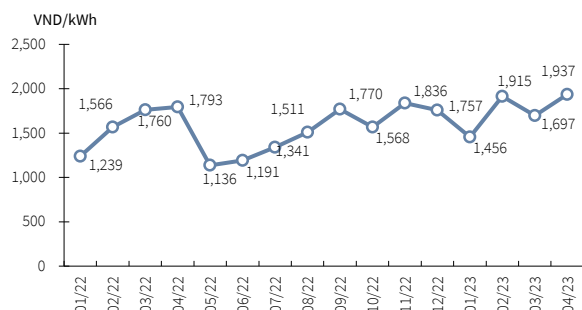
Nhu cầu tiêu thụ điện dự báo sẽ tăng, đặc biệt vào mùa nắng nóng

Theo EVN, nhu cầu điện của hệ thống điện quốc gia đã tăng lên mức kỷ lục mới vào ngày 06/05/2023, tương đương 895 triệu kWh (+12.34% YoY). Công suất tiêu thụ cực đại đạt 43.300 MW (+9.12% YoY), cao nhất kể từ đầu năm. Nhu cầu phụ tải điện đang có xu hướng tăng cao, đặc biệt là vào mùa nắng nóng sắp tới. Mức nước tại các nhà máy thủy điện không còn dồi dào như 2022, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi trong các báo cáo cập nhật trước đó. Vì vậy, nhà máy nhiệt điện sẽ được huy động với mức cao hơn nhằm đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ điện.

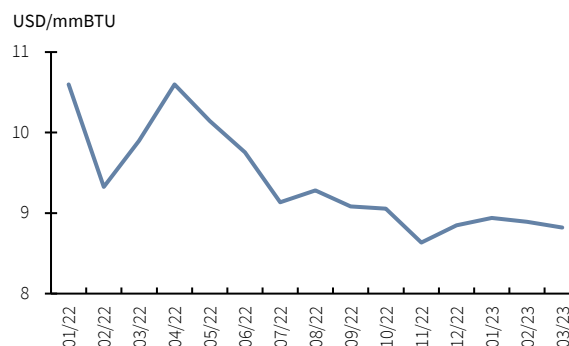
Giá điện trên thị trường phát điện cạnh tranh (CGM) neo cao

Trong Quý 1/2023, giá điện toàn phần bình quân đạt 1,689.3 VND/kWh (+11% YoY) do nguyên liệu đầu vào (khí, than) của các nhà máy nhiệt điện neo cao kéo theo giá bán điện. Giá điện toàn phần tháng 4/2023 đã đạt mức 1,964 tỷ VND/kWh (+10% YoY), đạt đỉnh 10 năm do tiêu thụ tăng cao khi thời tiết bước vào mùa nắng nóng. Bên cạnh đó, giá khí đầu vào có xu hướng đi xuống kể từ tháng 4/2022. Điều này đồng nghĩa việc NT2 sẽ có lợi thế khi tham gia phát điện nhờ giá khí đầu vào giảm xuống nhưng giá bán điện toàn phần neo ở mức cao. Năm 2022, sản lượng Qm vào khoảng 15% tổng sản lượng của nhà máy.

Chúng tôi vẫn giữ dự phóng giá phát điện trên thị trường phát điện cạnh tranh sẽ đạt trung bình 1,569.8 kWh (+2% YoY) vào 2023 và có thể vẫn tăng vào các năm tiếp theo do dự báo nhu cầu điện tiếp tục tăng lên.

Biểu đồ 3. Diễn biến giá điện toàn phần bình quân 2022-2023 (VND/kWh)

Nguồn: GENCO3, KBSV

Biểu đồ 4. Diễn biến giá khí đầu vào của Nhơn Trạch 2 giai đoạn 2022-2023 (USD/mmBTU)

Nguồn: NT2, KBSV

Bảng 2. Dự phóng kết quả kinh doanh

	2022	2023F	+/-%YoY	Chú thích
Sản lượng (triệu kWh)	4,065	4,032	-0.81%	
Sản lượng điện theo hợp đồng (Qc)	3,473	3,427	-1.32%	
Sản lượng điện bán trên thị trường CGM (Qm)	592	605	2.16%	
Giá khí trung bình (USD/MMBTU)	9.33	9.14	-2.00%	Giá khí đầu vào trung bình đạt 9.09 USD/MMBTU (-2% YoY) do giá định giá dầu Brent giảm nhẹ so với 2022 về mức 85 USD/thùng
Giá bán điện trung bình (VNĐ/kWh)	2,161	2,122	-1.82%	Giá điện trung bình giá định giá nhẹ do đầu vào hạ nhiệt
Doanh thu	8,788	8,556	-2.64%	
Giá vốn hàng bán	7,706	7,589	-1.52%	Giá khí đầu vào kỳ vọng đi xuống cùng chiều với giá dầu Brent
Lợi nhuận gộp	1,081	966	-10.63%	
Biên lợi nhuận gộp (%)	12.3%	11.3%		
Chi phí SG&A	-131	-128	-2.64%	
% SG&A/doanh thu	1.50%	1.50%		
LN từ HĐKD	957	705	-26.28%	
Thu nhập tài chính	24	78	218.47%	Chi phí tăng do giá định lãi từ tiền gửi tăng lên
Chi phí tài chính	-18	-33	86.43%	
Thu nhập khác (ròng)	-14	-14		
LN trước thuế	943	766	-18.78%	
Lợi nhuận sau thuế	883	720	-18.50%	

Nguồn: NT2, KBSV

Định giá

Phương pháp định giá

Chúng tôi sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền của doanh nghiệp (FCFF) và EV/EBITDA với tỷ lệ 50% cho mỗi phương pháp để đưa ra khuyến nghị **NẮM GIỮ** cho NT2 với mức giá mục tiêu là VNĐ/cổ phiếu, tương đương với upside 8.6% so với giá đóng cửa VNĐ/cổ phiếu ngày 12/06/2023.

Bảng 3. Tổng hợp định giá NT2

Phương pháp	Giá dự phóng	Tỷ trọng	Giá dự phóng theo tỷ trọng
FCFF	36,546	50%	18,273
EV/EBITDA (6x)	33,603	50%	16,801
Giá mục tiêu (làm tròn)			35,100
Giá hiện tại (12/06/2023)			32,400
Upside			8.6%

Nguồn: KBSV

PHỤ LỤC

NT2 – Bảng tóm tắt KQKD & dự phóng, 2021A – 2023F

Báo cáo Kết quả HKKD					Bảng cân đối kế toán				
(Tỷ VNĐ)	2021	2022	2023F	2024F	(Tỷ VNĐ)	2021	2022	2023F	2024F
Doanh số thuần	6,150	8,788	8,556	8,872	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	6,624	7,445	7,514	7,795
Giá vốn hàng bán	5,474	7,706	7,589	7,809	TÀI SẢN NGẮN HẠN	2,581	4,557	4,998	5,870
Lãi gộp	676	1,082	967	1,063	Tiền và tương đương tiền	1	384	827	700
Thu nhập tài chính	18	24	78	86	Giá trị thuần đầu tư ngắn hạn	0	949	949	949
Chi phí tài chính	-52	-18	-33	-26	Các khoản phải thu	2,230	2,911	2,359	2,569
Trong đó: Chi phí lãi vay	-20	-15	-33	-26	Hàng tồn kho, ròng	311	307	373	403
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh (từ năm 2015)	0	0	0	0	TÀI SẢN DÀI HẠN	4,043	2,888	2,516	1,925
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	Phải thu dài hạn	0	0	0	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-83	-131	-128	-133	Tài sản cố định	3,496	2,809	2,437	1,846
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	559	957	705	797	Tài sản dở dang dài hạn	1	0	0	0
Thu nhập khác	8	1	1	1	Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
Chi phí khác	1	15	15	15	Lợi thế thương mại	0.0	0.0	0.0	0.0
Thu nhập khác, ròng	7	-14	-14	-14	NỢ PHẢI TRẢ	2,390	2,831	2,679	2,726
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh	0	0	0	0	Nợ ngắn hạn	2,390	2,831	2,679	2,726
Lãi/(lỗ) ròng trước thuế	566	943	766	873	Phải trả người bán	1,034	770	933	873
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-32	-60	-46	-105	Người mua trả tiền trước	0	0	0	0
Lãi/(lỗ) thuần sau thuế	534	883	720	768	Vay ngắn hạn	210	631	315	422
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0	Nợ dài hạn	0	0	0	0
Lợi nhuận của Cổ đông của Công ty mẹ	534	883	720	768	Phải trả nhà cung cấp dài hạn	0	0	0	0
					Người mua trả tiền trước dài hạn	0	0	0	0
Chỉ số hoạt động					Doanh thu chưa thực hiện	0	0	0	0
	2021	2022	2023F	2024F	Vay dài hạn	0	0	0	0
Tỷ suất lợi nhuận gộp	11.0%	12.3%	11.3%	12.0%	VỐN CHỦ SỞ HỮU	4,234	4,614	4,835	5,069
Tỷ suất EBITDA	20.3%	18.7%	17.3%	17.2%	Vốn góp	2,879	2,879	2,879	2,879
Tỷ suất EBIT	9.1%	10.9%	8.2%	9.0%	Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	9.2%	10.7%	9.0%	9.8%	Lãi chưa phân phối	1,196	1,554	1,775	2,009
Tỷ suất lãi hoạt động KD	9.1%	10.9%	8.2%	9.0%	Vốn Ngân sách nhà nước và quỹ khác	160	182	182	182
Tỷ suất lợi nhuận thuần	8.7%	10.1%	8.4%	8.7%	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	0	0	0	0
					Chỉ số chính				
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					(x, %, VNĐ)				
(Tỷ VNĐ)	2021	2022	2023F	2024F	Chỉ số định giá				
Lãi trước thuế	566	943	766	873	P/E	14.4	9.7	9.4	8.8
Khấu hao TSCĐ	690	689	775	728	P/E pha loãng	14.4	9.7	9.4	8.8
Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư	-11	21	21	21	P/B	1.2	1.2	1.4	1.3
Chi phí lãi vay	20	15	15	15	P/S	0.8	0.6	0.8	0.8
Lãi/(lỗ) trước những thay đổi vốn lưu động	1,266	1,668	1,577	1,638	P/Tangible Book	1.2	1.2	1.4	1.3
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	-775	-672	552	-210	P/Cash Flow	6.8	6.0	4.5	7.9
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	4	3	-65	-30	Giá trị doanh nghiệp/EBITDA	6.0	5.2	6.5	6.5
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	871	22	163	-60	Giá trị doanh nghiệp/EBIT	13.4	9.0	13.6	12.4
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	-209	452	97	83					
Chứng khoán kinh doanh, chi phí lãi vay, thuế và khác	-83	-90	-79	-131	Hiệu quả quản lý				
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh	1,074	1,383	2,245	1,290	ROE%	12.6%	19.1%	14.9%	15.2%
Tiền mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-3	-1	-3	-3	ROA%	8.1%	11.9%	9.6%	9.9%
Tiền thu được từ thanh lý tài sản cố định	0	0	0	0	ROIC%	12.6%	19.7%	16.3%	16.6%
Tiền cho vay hoặc mua công cụ nợ	0	0	0	0	Cấu trúc tài chính				
Tiền thu từ cho vay hoặc thu từ phát hành công cụ nợ	0	0	0	0	Tỷ suất thanh toán tiền mặt	0.0	0.5	0.5	0.9
Đầu tư vào các doanh nghiệp khác	0	-949	-949	-949	Tỷ suất thanh toán nhanh	0.7	0.9	1.4	1.8
Tiền thu từ việc bán các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp khác	0	0	0	0	Tỷ suất thanh toán hiện thời	0.9	1.1	1.5	1.1
Cổ tức và tiền lãi nhận được	11	4	4	4	Vốn vay dài hạn/Vốn CSH	0.0	0.0	0.0	0.0
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ hoạt động đầu tư	9	-946	-947	-948	Vốn vay dài hạn/Tổng Tài sản	0.0	0.0	0.0	0.0
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và vốn góp	0	0	0	0	Vốn vay ngắn hạn/Vốn CSH	0.0	0.1	0.1	0.1
Chi trả cho việc mua lại, trả lại cổ phiếu	0	0	0	0	Vốn vay ngắn hạn/Tổng Tài sản	0.0	0.1	0.0	0.1
Tiền thu được các khoản đi vay	1,364	831	0	0	Công nợ ngắn hạn/Vốn CSH	0.6	0.6	0.6	0.5
Tiền trả các khoản đi vay	-1,932	-410	0	0	Công nợ ngắn hạn/Tổng Tài sản	0.4	0.4	0.4	0.3
Tiền thanh toán vốn gốc đi thuê tài chính	0	0	0	0	Tổng công nợ/Vốn CSH	0.6	0.6	0.6	0.5
Cổ tức đã trả	-575	-474	-540	-576	Tổng công nợ/Tổng Tài sản	0.4	0.4	0.4	0.3
Tiền lãi đã nhận	0	0	0	0	Chỉ số hoạt động				
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính	-1,143	-54	-855	-469	Hệ số quay vòng phải thu khách hàng	3.3	3.4	3.2	3.6
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-61	383	442	-127	Hệ số quay vòng HTK	17.6	25.1	20.4	19.4
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	62	1	384	827	Hệ số quay vòng phải trả nhà cung cấp	8.6	9.7	10.1	9.8
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	1	384	827	700					

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anh1d@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.